TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** T□NH CAO B□NG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đôc lâp - Tư do - Hanh phúc**

Bản án số: 02/2019/ DS - ST
Ngày 02 tháng 7 năm 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**:* Ông La Văn Viên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Thế Hạp

2. Ông Lương Ngọc Cảnh

- Thư ký phiên toà: Bà Công Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng khánh tham gia phiên tòa: Ông Nông Đức Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018. Tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:
1, Nông Đình H, sinh năm 1938
Trú tại: xóm B T - xã Đ T - huyện T K - tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)
2. Nông Đình H1, sinh năm 1949
Trú tại: xóm B T - xã Đ T - huyện T K- tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)
3. Nông Đình H2, sinh năm 1934
Trú tại: xóm B T - xã Đ T - huyện T K - tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)
Bị đơn: Hoàng Thị M, sinh năm 1966
Địa chỉ: xóm B C - xã Đ T- huyện T K - tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1, Hoàng Ích S, sinh năm 1964
Địa chỉ: xóm B C - xã Đ T - huyện T K - tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

2, Hoàng Ích N

Địa chỉ: xóm L R - xã T L - huyện H L - tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt) có lý do

3, Hoàng Doãn H

Địa chỉ: xóm Bản Thuôn - xã Đàm Thủy - huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

(Vắng mặt) không có lý do

4, Ngọc Văn Phung

Địa chỉ: xóm B Th - xã Đ T - huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

(Vắng mặt) không có lý do

5, □ng Giáp Ngọc L, Phó Hạt trưởng Hạt kiểm lâm, Trùng Khánh.

(Có mặt)

6, Bà Lương Thị T, Phó phòng tài nguyên và Môi trường huyện Trùng Khánh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2018, bản tự khai ngày 18 tháng 12 năm 2018 cũng như tại phiên tòa ông Nông Đình H trình bày: Nguồn gốc đất hiện nay đang tranh chấp gia đình có 2 đám rẫy diện tích khoảng 9.000m^2 đó là đất của tổ tiên để lại gia đình tôi canh tác từ đời này qua đời khác. Năm 1952 nộp thuế hoa màu cho nhà nước và đã đưa vòa sổ điền bộ 64A.

Từ năm 1961 giao cho hợp tác xã đóng thuế chung, năm 1980 tan rã hợp tác xã, lúc đó đất của người nào người đó tự quản lý canh tác.

Cuối năm 1993 gia đình tạm dừng không canh tác lý do anh em, con cái di cư vào miền nam nên thiếu nhân lực.

Năm 2006 nhà nước giao đất giao rừng cho dân quản lý từng khu vực không cho ai khai phá đốt nương làm rẫy, tôi quay về đất tổ tiên để lại làm kinh tế, khôi phục rẫy Đông Ke tháng 03 năm 2015 tôi cho con đi trồng 2.000 cây keo trồng xong được hai ngày thì bà M nhổ hết cây của tôi, bà M nói rằng bà đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà nước cấp cho. Nên mới sảy ra tranh chấp sau khi sự việc sảy ra tôi đã báo chính quyền xã và được UBND xã Đ T gọi hoà giải nhưng hai bên không thoả thuận được nên tôi làm đơn đến Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh để giải quyết. Nay tôi yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà M trả lại đất cho gia đình tôi.

Nguyên đơn ông Nông Đình H1 có ý kiến gia đình có 2 đám rẫy diện tích khoảng 2.500m^2 đó là đất của tổ tiên để lại gia đình canh tác từ đời này qua đời khác. Năm 1952 nộp thuế hoa màu cho nhà nước và đã vào sổ điền bộ 64A.

Từ năm 1961 giao cho hợp tác xã nông nghiệp, năm 1980 tan rã hợp tác xã, lúc đó đất của người nào người đó tự quản lý canh tác.

Cuối năm 1993 gia đình tạm dừng canh tác lý do anh em, con cái di cư vµo miền nam nên thiếu nhân lực.

Nguyên nhân sảy ra tranh chấp bà M mua ruộng cô Hoàng Thị T vào năm 1990 tại Đông Ke, về sau nhà nước giao đất giao rừng bà M chiếm luôn đất rẫy của gia đình tôi. Nay tôi yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà M trả lại đất cho gia đình tôi.

Nguyên đơn ông Nông Đình H2 có ý kiến gia đình có 3 đám rẫy diện tích khoảng 5.000m^2 là đất của tổ tiên để lại gia đình tôi canh tác từ đời này qua đời khác. Năm 1952 nộp thuế hoa màu cho nhà nước và đã vào sổ điền bộ 64A.

Từ năm 1961 giao cho hợp tác xã nông nghiệp đóng thuế chung, năm 1980 hợp tác xã tan, lúc đó đất của người nào người đó tự quản lý canh tác.

Cuối năm 1993 gia đình tạm dừng canh tác lý do anh em, con cái di cư vµo miền nam nên thiếu nhân lực.

Nguyên nhân sảy ra tranh chấp là con tôi đi phát rẫy mới biết là bà M lấn chiếm đất rẫy của tôi nên mới sảy ra tranh chấp. Nay tôi yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà M trả lại đất cho gia đình tôi.

Bị đơn bà Hoàng Thị M có ý kiến: Nguồn gốc đất hiện nay đang tranh chấp gia đình tôi mua với bà Hoàng Thị T là người bản Thuôn lên làm nhà ở Bản Cải sau đó bà đi và miền nam sinh sống. Bà T bán ruộng kèm theo đất rừng cho gia đình tôi.

Phía đông giáp đồi Pác Keo; Phía Tây giáp Nông Tự C; Phía Nam giáp Hoàng Phúc K; Phía Bắc giáp đồi Pò keo.

Trước các ông làm rẫy là khai hoang đất của bà T mấy ông ở bản Thuôn không có giấy tờ, bây giờ khởi kiện đến tôi, tôi có chứng cứ đã canh tác từ năm 1990 đến năm 1996 nhà nước quyết định giao đất giao rừng, ngày 10/ 10 /2006 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông H, ông H1, ông H2 yêu cầu tôi trả lại đất cho các ông tôi không nhất trí vì tôi đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Ích Ng có ý kiến: Năm 1996 nhà nước giao đất, giao rừng cho tôi (N) khi giao có cán bộ kiểm lâm giao và tôi nhận đất tại thực địa và có chỉ các mốc giới, tôi có được nhận hết phần đất của ông H, H1, H2 vì lúc đó là đất bỏ hoang không canh tác. Năm 1997 tôi chuyển sang bên Hạ Lang làm ăn nên tôi giao lô rừng của tôi cho anh trai là Hoàng Ích S và Hoàng Thị M quản lý sử dụng. Tôi không yêu cầu chia phần mà để lại cho anh S chị M. Vì điều kiện ở xa tôi xin vắng mặt trong các buổi hòa giải cũng như xét xử tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, qua ý kiến đại diện của cơ quan chuyên môn Hạt kiểm lâm huyện Trùng Khánh trình bày. Quy trình giao đất Năm 1994 khi giao đất, giao rừng họp thôn bản quán triệt các văn bản về giao đất giao rừng, sau

đó cùng các hộ gia đình đến hiện trường chỉ ranh giới thửa đất sau đó vẽ lên trên bản đồ thể hiện ranh giớ thửa đất. Xong giao cho Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định giao đất.

Ý kiến của đại diện phòng Tài nguyên và môi trường Vị trí hiện nay đang tranh chấp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình Ông Hoàng Doãn H và Ông Ngọc Văn P. Vì vậy, cần làm rõ thực tế hiện nay ông H và ông P có quản lý sử dụng hay không. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H và ông P nếu 2 ông không thừa nhận quyền quản lý của mình tại vị trí này.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh phát biểu quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng, việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 84 Luật bảo vệ và phát triển rừng; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 luật đất đai năm 2013.

Chấp nhận đơn khởi kiện của các ông: Nông Đình H, Nông Đình H1, Nông Đình H1 là đúng pháp luật.

Buộc bà Hoàng Thị M phải trả lại đất cho ông H, ông H1, ông H1.

□p dụng Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã đưîc thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của các bên đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. ***Hội đồng xét xử nhận định***.

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là Tranh chấp quyền sử dụng đất. Bị đơn có nơi cư trú tại xóm B C, xã Đ T, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh được quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:Theo nguyên đơn ông Nông Đình H trình bày nguồn gốc đất hiện nay đang tranh chấp gia đình có 2 đám rẫy diện tích khoảng 9.000m^2 đó là đất của tổ tiên để lại gia đình canh tác từ đời này qua đời khác. Năm 1952 nộp thuế hoa màu cho nhà nước đã vào sổ điền bộ 64A.

Cuối năm 1993 gia đình tạm dừng không canh tác lý do anh em, con cái di cư vào miền nam. Năm 2006 nhà nước giao đất giao rừng cho dân quản lý từng khu vực không cho ai khai phá đốt nương làm rẫy, tôi quay về đất tổ tiên để lại làm kinh tế, khôi phục rẫy Đông Ke. Tháng 03 năm 2015 tôi cho con đi trồng 2.000 cây keo trồng xong được hai ngày thì bà M nhổ hết cây của tôi, bà M nói rằng bà đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên mới sảy ra tranh chấp. Nay tôi yêu cầu Toà án giải quyết bà M phải trả lại đất cho gia đình tôi.

Nguyên đơn Nông Đình H1 trình bày gia đình có 2 đám rẫy diện tích khoảng 2.500m^2 đó là đất của tổ tiên để lại. Năm 1952 nộp thuế hoa màu cho nhà nước đã vào sổ điền bộ 64A. Từ năm 1961 giao cho hợp tác xã nông nghiệp, năm 1980 hợp tác xã tan, lúc đó đất của người nào người đó tự quản lý canh tác. Cuối năm 1993 gia đình tạm dừng vì thiếu nhân lực. Nguyên nhân sảy ra tranh chấp năm 1990 ông C là bố chồng bà M mua ruộng Hoàng Thị T tại Đông Ke, về sau nhà nước giao đất giao rừng bà M chiếm luôn đất rẫy của gia đình tôi. Nay tôi yêu cầu Toà án giải quyết bà M phải trả lại đất cho gia đình tôi.

Nguyên đơn Nông Đình H2 trình bày gia đình có 3 đám rẫy diện tích khoảng 5.000m^2 là đất của tổ tiên để lại gia đình tôi canh tác. Năm 1952 nộp thuế hoa màu cho nhà nước đã đưa vào sổ điền bộ 64A. Từ năm 1961 giao cho hợp tác xã nông nghiệp, năm 1980 hợp tác xã tan, lúc đó đất của người nào người đó tự quản lý canh tác. Cuối năm 1993 gia đình tạm dừng canh tác lý do vì thiếu nhân lực. Nguyên nhân sảy ra tranh chấp là con tôi đi phát rẫy mới biết là bà M lấn chiếm đất rẫy của tôi nên mới sảy ra tranh chấp. Nay tôi yêu cầu Toà án giải quyết bà M phải trả lại đất cho gia đình tôi.

[3] Tại biên bản thẩm định ngày 21 tháng 3 năm 2019 xác định như sau: Các thửa đất hiện nay đang tranh chấp là đất bỏ hoang không ai canh tác, là bãi thả trâu bò, tiếp giáp phía nam có nhiều cây sâu sâu và một số cây khác theo bà M khai là do bà M quản lý.

Theo nguyên đơn các ông: Nông Đình H, Nông Đình H1, Nông Đình H2 có ý kiến về nguồn gốc đất là của tổ tiên ông cha các ông để lại. Năm 1952 các ông đã nộp thuế hoa màu cho nhà nước đã đưa vào sổ điền bộ 64A. Năm 1961 giao cho hợp tác xã quản lý. Đến năm 1980 tan rã hợp tác xã, đất của ai người đó quản lý và canh tác, gia đình các ông canh tác đến năm 1993 và đến cuối năm 1993 gia đình các ông bỏ không canh tác với lý do con cháu đi vào miền nam nên thiếu nhân lực thì bỏ hoang.

Bà Hoàng Thị M trình bày: Nguồn gốc đất đang tranh chấp gia đình bà M mua với bà Hoàng Thị T người Bản thuôn lên làm nhà ở Bản Cải. Sau đó, bà T đi miền nam đã bán đám ruộng và đất rừng cho gia đình bà M.

- Về tứ cận đang tranh chấp giữa ông H1 và bà M như sau:

+ Phía đông tiếp giáp đất rẫy ông H;
+ Phía tây tiếp giáp đường;
+ Phía bắc tiếp giáp đường;
+ Phía nam tiếp giáp đất bà M.
Tổng diện tích là: 5.476,24m^2
- Về tứ cận đang tranh chấp giữa ông H và bà M như sau:
+ Phía đông tiếp giáp đất ông Hoàng Phúc P;
+ Phía tây tiếp giáp rẫy ông H1;
+ Phía bắc tiếp giáp đường;
+ Phía nam tiếp giáp đất Ngọc Văn T.
Tổng diện tích là: 10.823,50m^2
- Về tứ cận đang tranh chấp giữa ông H2 và bà M: Đám rẫy nằm ở giữa trong đám rẫy ông Nông Đình H.
Tổng diện tích là: 1.496,70m^2
Qua kiểm tra xem xét thẩm định thực tế và đối chiếu với Bản đồ đo đạc địa chính xã Đàm Thủy thì lô đất hiện nay đang tranh chấp các gia đình Nông Đình H, Nông Đình H1, Nông Đình H2 và bà Hoàng Thị M, không ai có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Đối chiếu với biên bản xác minh của UBND xã Đàm Thủy thấy rằng thửa đất 351, diện tích 56.725 m^2 tờ bản đồ số 2 và thửa đất số 329, diện tích 34.248 m^2 tờ bản đồ số 2 các thửa đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Doãn H và ông Ngọc Văn P. Nhưng thực tế hiện nay do bà Hoàng Thị M và Hoàng Ích S quản lý, không liên quan đến phần đất tranh chấp giữa ông H và ông P.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S bà M thuộc thửa đất số 301, diện tích 16.435 m^2 thuộc tờ bản đồ số 02 thực tế hiện nay là do ông Ngọc Văn P quản lý, không liên quan đến phần đất tranh chấp giữa ông Nông Đình H, Nông Đình H1 và Nông Đình H2 với bà Hoàng Thị M.

[5] Tại phiên toà Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giao đất Lâm nghiệp do đoàn đo đạc không xem xét kỹ đã đo phần diện tích đất nông nghiệp vào đất rừng là sai. Hơn nữa khi giao đất không thông báo cho xóm bản Thuôn biết việc giao đất; vì những thửa đất này năm 1960 gia đình các ông Nông Đình H, Nông Đình H1, Nông Đình H2 đã đưa vào hợp tác xã hiện nay vẫn còn thể hiện tên Nông Đình H1 và bà Mã Thị N trong sổ tính xuất khoán ruộng năm 1984. Sau năm 1980 tan hợp tác xã là do các ông Nông Đình H, Nông Đình H1, Nông Đình H2 quản lý canh tác. Đến cuối năm 1993 gia đình các ông bỏ hoang không canh tác do gia đình không có nhân lực.

Năm 1996 nhà nước có chủ chương giao đất, giao rừng ông C là bố chồng của bà M có mua 01 đám ruộng với bà Hoàng Thị T ở dưới các đám rẫy ông H, ông H1 và ông H2 xong bà M đã kê khai toàn bộ diện tích đất rẫy để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình giao đất đã đo phần diện tích đất nông nghiệp vào đất rừng là không đúng với qui định của pháp luật đất đai. Do đó, các Ông Nông Đình H, Nông Đình H1, Nông Đình H2 yêu cầu bà Hoàng Thị M trả lại các đám rẫy cho các ông là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về án phí, lệ phí Hoàng Thị M phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; □iều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vuh Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của Ông Nông Đình H, Nông Đình H1, Nông Đình H2 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Cụ thể hình dạng lô đất tranh chấp và kích thước có sơ đồ và tọa độ điểm kèm theo.

- Ông Nông Đình H được quyền quản lý sử dụng số thửa 03, 05 có diện tích là 10.823,50m^2

Về tứ cận như sau:

+ Phía đông tiếp giáp đất ông Hoàng Phúc P;

+ Phía tây tiếp giáp rẫy ông H1;

+ Phía nam tiếp giáp đất Ngọc Văn T;

+ Phía bắc tiếp giáp đường;

- Ông Nông Đình H2được quyền quản lý sử dụng số thửa 04 có diện tích là 1.496,70m^2.

Về tứ cận tiếp giáp nằm ở giữa trong đám rẫy của ông H:

- Ông Nông Đình H1 được quyền quản lý sử dụng số thửa 01, 02, 06 có diện tích là 5.476,24m^2

Về tứ cận như sau:

+ Phía đông tiếp giáp đất rẫy ông H;

+ Phía tây tiếp giáp đường;

+ Phía nam tiếp giáp đất bà M.

+Phía bắc tiếp giáp đường;

Buộc bà Hoàng Thị M phải trả lại diện tích đất đang tranh chấp với các ông Nông Đình H, Nông Đình H1, Nông Đình H2 số diện tích là: 17.796,44m^2.

2. *Về án phí, lệ phí:* Bà Hoàng Thị M phải nộp 900.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước. Ông Nông Đình H, Nông Đình H1, Nông Đình H2 được hoàn lại mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/000145, số AA/2011/000146 và số A A/2011/000147, ngày 03 tháng 12 năm 2019 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Bà Hoàng Thị M phải nộp 9.400.000đ (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng) khoản tiền chi phí thẩm định đo đạc cho Văn phòng quản lý đất đai tỉnh Cao Bằng theo phiếu thu ngày 05/6/2019.

3. Báo quyền kháng cáo cho các đương sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông P, ông H và ông N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*<u>*Nơi nhận*</u>:
- Toà dân sự TAND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND T K;
- UBND xã Đ T;
- CCTHADS T K;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

La Văn Viên